

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 122/2024/HS-ST

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Kim Dung

Bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà:
Bà Lê Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2024/HS-ST ngày 26/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 120/2024/QĐXXST-HS ngày 01/8/2024, đối với bị cáo:

Phan Văn D, sinh ngày: 29/7/1985 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố H, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phan Văn L và bà Phạm Thị H; có vợ là Hà Thị A và 02 con; có 02 tiền án:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2014/HSST ngày 08/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt D 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản chiếm đoạt là 20.000.000đ; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, buộc D phải bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ. Ngày 28/11/2015, D chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/10/2014, D chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đối với khoản bồi thường cho bị hại, D chưa thực hiện.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên và Bản án số 29/HSPT ngày 08/6/2018

của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt D 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản chiếm đoạt là 150.000.000đ; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ, án phí dân sự trong vụ án hình sự 990.000đ, buộc D phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 19.800.000đ. Ngày 05/5/2022, D chấp hành xong án phạt tù. Đối với các khoản án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự và án phí hình sự phúc thẩm, D chấp hành xong ngày 18/7/2018. Đối với khoản bồi thường, các bị hại xác nhận đã được gia đình D bồi thường đầy đủ.

- Có 01 tiền sự:

+ Ngày 28/12/2022, Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Văn D về hành vi “Cố ý gây thương tích”, mức phạt 6.500.000đ. Kết quả xác minh cho thấy Công an huyện B đã nhiều lần đơn đốc tuy nhiên D chưa chấp hành. Đến nay chưa được xóa tiền sự.

- Nhân thân:

+ Ngày 14/11/2009, Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 150/2005/NĐ-CP “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội”, mức phạt 500.000đ. Đến nay đã hết thời hiệu thi hành.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2012/HSST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt D 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 01 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Ngày 09/7/2012, D chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2024, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V, có mặt.

Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Thu P, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu D, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Chị O và chị P đều làm việc tại cửa hàng bánh SOSI’S CAKE địa chỉ tại ngõ A, đường N, tổ dân phố T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1990; địa chỉ: Cửa hàng Đ tại tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

+ Ông Phan Văn L, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và không có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 11 giờ ngày 27/4/2024, Phan Văn D một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, BKS: 89D1 – 041.80 đi quanh các tuyến đường thuộc địa bàn phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, mục đích xem có nhà người dân, hàng quán nào sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến khu vực ngõ A, đường N thuộc phường K, thành phố V, D quan sát thấy cửa hàng bánh ngọt “SOSI’S CAKE” của chị Vũ Thị Thu P, sinh năm: 1993, trú tại: Khu D, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc mở cửa trước và sau, xung quanh không có người trông giữ. Thấy vậy, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong cửa hàng của chị P. D điều khiển xe mô tô vòng ra phía sau cửa hàng và để xe ở vỉa hè rồi một mình đi bộ vào bên trong cửa hàng. Khi đi đến khu vực bếp, D quan sát thấy trên mặt bàn có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng của chị P và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ của chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1997, trú tại: Thôn A, xã Y, huyện S (là em họ của chị P) nên D lấy 02 chiếc điện thoại này đút vào túi quần phía trước bên trái chiếc quần đang mặc rồi nhanh chóng đi ra khỏi cửa hàng. Sau đó, D điều khiển xe mô tô BKS: 89D1 – 041.80 đi theo hướng đường T, phường K về thị trấn G, huyện B. Khoảng 20 giờ ngày 29/4/2024, D mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại K, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B gặp anh Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1990, trú tại: Thị trấn G, huyện B (là chủ cửa hàng) nhờ anh K chạy lại phần mềm, anh K đồng ý và hẹn D ngày hôm sau đến lấy máy. Ngày 30/4/2024, D chủ động liên lạc với anh K và nói rằng 02 chiếc điện thoại trên là của bạn D, hiện không có nhu cầu sử dụng nữa nên muốn bán; anh K tin tưởng và đồng ý mua lại 02 chiếc điện thoại này với giá 3.000.000đ. Sau đó, anh K đã chuyển số tiền 3.000.000đ từ tài khoản số 107870668669 của anh K tại Ngân hàng V đến tài khoản số 0009978730773 của D tại Ngân hàng V1. Toàn bộ số tiền này, D đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/5/2024, chị Vũ Thị Thu P đến Công an phường K trình báo sự việc chị và chị O bị mất trộm tài sản là 02 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, rà soát và

triệu tập Phan Văn D lên trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng thời giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, BKS: 89D1 – 041.80.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Hữu K khai nhận, khoảng 20 giờ ngày 29/4/2024, D mang 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ đến cửa hàng của anh để nhờ chạy lại phần mềm, anh K đồng ý, hẹn D hôm sau đến lấy. Đến ngày 30/4/2024, D nói lại với anh K 02 chiếc điện thoại trên là của bạn D, do không nhớ mật khẩu nên muốn bán. Do có mối quan hệ xã hội quen biết nhau từ trước nên anh K tin tưởng và đồng ý mua lại 02 chiếc điện thoại này của D với giá 3.000.000đ, sau đó anh K đã trả cho D số tiền 3.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 01/5/2024, anh K đã tự nguyện giao nộp lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng cho Cơ quan điều tra.

Ngày 04/5/2024, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố V có Yêu cầu định giá tài sản số A, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố V định giá đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ, dung lượng 64GB và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, dung lượng 64GB, đều đã cũ, đã qua sử dụng. Tại kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố V kết luận: *“01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 11 màu đỏ, 64GB, máy đã cũ, đã qua sử dụng có giá 3.000.000đ; 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 11 Promax, màu trắng, 64GB, máy đã cũ, đã qua sử dụng có giá 7.000.000đ. Tổng giá trị tài sản qua định giá là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)”*. Cơ quan điều tra đã thông báo Kết luận định giá tài sản cho bị cáo và các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết, không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã làm rõ: Anh Nguyễn Hữu K là người mua 02 chiếc điện thoại di động do D trộm cắp nhưng anh K không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xử lý trách nhiệm, anh K đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000đ khi mua điện thoại của D. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang BKS: 89D1-041.80 mà D sử dụng là tài sản của ông Phan Văn L là bố đẻ của D mua lại của bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1952, trú tại: Xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Giai đoạn điều tra, ông L tự nguyện giao nộp xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe để phục vụ điều tra, đến nay chưa trả lại tài sản. Cơ quan điều tra còn làm rõ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu

trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Thu P và chị Nguyễn Thị Kim O đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số: 129/CT-VKSTPVY ngày 25/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Phan Văn Duy về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai nhận tội ở giai đoạn điều tra. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phan Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt Phan Văn D từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/5/2024.

Bị hại Nguyễn Thị Kim O và Vũ Thị Thu P; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn L và anh Nguyễn Hữu K đều có đơn xin xét xử vắng mặt và xác nhận không yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo. Anh K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D không có bào chữa. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo uy đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã được công bố, xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 27/4/2024, tại cửa hàng bánh ngọt “SOSI’S CAKE” của chị Vũ Thị Thu P địa chỉ tại ngõ A, đường N, phường K, thành phố V, Phan Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax

màu trắng của chị Vũ Thị Thu P và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ của chị Nguyễn Thị Kim O. Tại thời điểm định giá, 02 chiếc điện thoại trên có trị giá lần lượt là 7.000.000đ và 3.000.000đ. Tổng trị giá tài sản Phan Văn D trộm cắp theo Kết luận định giá là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Hành vi nêu trên là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Do trước khi phạm tội, Phan Văn D đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” tại Bản án số 29/HSPT ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội với lỗi cố ý vì vậy bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung là “Tái phạm nguy hiểm”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố D căn cứ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:..

g) Tái phạm nguy hiểm;.. ”.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Mức cao nhất của khung hình phạt truy tố đối với bị cáo đến 07 năm tù. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự tội phạm bị cáo gây ra có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho người bị hại và xã hội cần phải bị xử lý nghiêm khắc.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, từng có một tiền sự và hai tiền án, ngoài ra còn bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” và một lần bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, cần nghiêm khắc trừng trị. Trong vụ án này, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tác động người nhà bồi thường thiệt hại do mình gây ra, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã áp dụng tình tiết này để định khung hình phạt nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử đánh giá đặc điểm nhân thân, tính chất tội phạm cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng phạt tù giam mới đảm bảo tính nghiêm khắc trong giáo dục cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền bổ sung từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không phạt tiền bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng và người có liên quan:

Cơ quan điều tra trả lại 02 điện thoại di động do D trộm cắp được cho chủ sở hữu là có căn cứ. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng không xem xét. Đối với anh Nguyễn Hữu K, mặc dù trực tiếp mua 02 chiếc điện thoại di động do D trộm cắp. Nhưng anh K không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của D cơ quan điều tra không xử lý là đúng. Anh K đã nhận được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng BKS: 89D1-041.80 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký của xe mang BKS 89D1-041.80 đều là tài sản hợp pháp của ông Phan Văn L, Ông L tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra. Do vậy, kết thúc vụ án cần trả lại xe và giấy tờ lại cho ông L. Ông L không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Phan Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt Phan Văn D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/5/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho ông Phan Văn L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, BKS: 89D1 – 041.80 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 89D1-

041.80 mang tên Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1952 trú tại: Xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vật chứng có đặc điểm nêu tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của cơ quan thi hành án dân sự).

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Phan Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Y;
- Công an thành phố Vĩnh Y;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh P;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Y;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Quang